

Bản án số: **480/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/8/2022

V/v: Tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Hoàng Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Nguyễn Thị Xuân Phương**

2. Ông Phạm Hoài Nam

- Thư ký phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Phi Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Ông Đỗ Minh T** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 334/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** **Anh Lê Chí Tr**, sinh năm 1982; Hộ khẩu thường trú và cư trú: 13A4 Tập thể 128c Đ L (nay là số 104 nhà A4 ngõ 128 C Đ L), phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Có mặt

***Bị đơn:** **Chị Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1987; Hộ khẩu thường trú và cư trú: 13A4 Tập thể 128c Đ L (nay là số 104 nhà A4 ngõ 128 C Đ L), phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn xin ly hôn đề ngày 18/5/2022 và lời khai trong toàn bộ quá trình giải quyết, nguyên đơn anh Lê Chí Tr trình bày:

Tôi và chị Nh kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 14/01/2016. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau, không có tiếng nói chung, không ai quan tâm đến ai, tôi nghi ngờ lòng chung thủy của chị Nh. Mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến đầu năm 2022, hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn nhưng chị Nh không đến Tòa án nên tôi phải rút đơn để nộp đơn khởi kiện. Đến nay, chúng tôi

sống cùng một nhà nhưng không quan tâm, không nói chuyện với nhau, mỗi người ngủ một phòng sống ly thân nên tôi xác định tình cảm không còn và xin được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2016. Ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con do chị Nh không có thu nhập ổn định. Tôi làm nhân viên các dự án công trình điện có thu nhập là 15.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, nhà ở chung: Tôi xác nhận chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: Tôi xác nhận chúng tôi không nợ ai cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt: Quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng chị Nh không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có ý kiến trình bày.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Nh hiện đang cư trú tại địa chỉ số 13A4 Tập thể 128c Đ L (nay là số 104 nhà A4 ngõ 128 C Đ L), phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Mặc dù đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập nhưng chị Nh vẫn không có mặt, Tòa án không lấy được lời khai của chị Nh. Do chị Nh không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Anh Lê Chí Tr vẫn giữ nguyện vọng xin ly hôn với chị Nh, nguyện vọng xin được nuôi con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Về chung tài sản chung, nhà ở chung, anh xác định không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Chị Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên không trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ sang Viện kiểm sát đúng quy định,

đảm bảo thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Anh Tr chấp hành đúng qui định tại điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Nh vắng mặt trong quá trình tố tụng không có ý kiến trình bày và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là chưa chấp hành theo đúng điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr với chị Nh. Về con chung: Hai bên có 1 con chung và giao con chung cho anh Tr được trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với chị Nh. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh Tr xác nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: anh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí, anh Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại Đơn xin ly hôn và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn và bị đơn có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại: 13A4 Tập thể 128c Đ L (nay là số 104 nhà A4 ngõ 128 C Đ L), phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội vì vậy Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân gia đình trên là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho chị Nh. Chị Nh đã được biết và nhận các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Nh là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Anh Lê Chí Tr và chị Nguyễn Thị Nh lấy nhau có đăng ký kết hôn UBND phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội ngày 14/01/2016 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Tr vẫn tha thiết xin ly hôn, có nguyện vọng nuôi con chung. Về tài sản chung, nhà ở chung, công nợ: anh xác nhận không có không yêu cầu giải quyết.

Xét thấy: Qua các tài liệu có trong hồ sơ, sau khi kết hôn năm 2016, vợ chồng anh chị chung sống tại 13A4 Tập thể 128c Đ L (nay là số 104 nhà A4 ngõ 128 C Đ L), phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống

hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách khác nhau, anh Tr nghi ngờ lòng chung thủy của chị Nh. Mâu thuẫn căng thẳng dẫn đến đầu năm 2022, hai bên đã thống nhất thuận tình ly hôn nhưng chị Nh không đến Tòa án nên anh Tr phải rút đơn để nộp đơn khởi kiện đơn phương. Hiện nay, 2 bên sống cùng 1 nhà nhưng không quan tâm, không nói chuyện với nhau, mỗi người ngủ 1 phòng sống ly thân nên anh Tr xác định tình cảm không còn và xin được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị Nh đã được biết và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện chị Nh không có cố gắng trong việc hàn gắn tình cảm gia đình.

Tòa án cũng đã tiến hành xác minh, ghi ý kiến của bà Nguyễn Thị Ph (là mẹ đẻ của anh Tr), bà Ph trình bày: Anh Tr và chị Nh chung sống cùng bà và gia đình tại P13A4 128C Đ L, phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Từ năm 2019 đến nay thì vợ chồng anh chị bất đồng quan điểm sống, không nói chuyện với nhau, mặc dù sống trong cùng nhà nhưng không ai nói chuyện với ai, cuộc sống gia đình căng thẳng. Hai người cùng sống ly thân, mỗi người ở một phòng từ đầu năm 2022 đến nay. Khoảng tháng 4 năm 2022, anh chị cũng đã làm đơn thuận tình ly hôn nhưng chị Nh không đến Tòa án giải quyết nên anh Tr đã phải làm đơn ly hôn đơn phương. Nay theo như bà nhận thấy, anh Tr chị Nh không còn tình cảm với nhau, khả năng đoàn tụ không thành nên bà mong muốn Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn với nhau, để gia đình không phải sống trong trạng thái căng thẳng như hiện nay.

Tại biên bản làm việc ngày 07/7/2022, đại diện tổ dân phố nơi anh Tr chị Nh cư trú cho biết: Qua công tác tìm hiểu, hòa giải, trao đổi với gia đình thì biết anh Tr chị Nh mâu thuẫn từ năm 2021 do khác nhau về quan điểm sống, tính cách. Đặc biệt từ năm 2021, do ảnh hưởng dịch bệnh nên kinh tế gia đình cũng gặp khó khăn, chị Nh không có việc làm nên vợ chồng lại thêm mâu thuẫn về kinh tế. Đại diện tổ dân phố cũng đã hướng dẫn chị Nh đến Tòa án để trình bày mong muốn nguyện vọng nhưng chị Nh từ chối không đến.

Như vậy, thấy rằng, anh Tr và chị Nh đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu do có nhiều khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, hai người không còn sự gắn kết, sẻ chia, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, không thực hiện các nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh chị cũng đã được gia đình, tổ hòa giải tại cơ sở hòa giải, hàn gắn tình cảm nhưng không đạt kết quả. Nay anh Tr xin ly hôn chị Nh là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Tr đối với chị Nh.

2.2. Về con chung: Anh Tr và chị Nh có 01 con chung là: Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2016. Hiện nay, cháu T đang ở cùng bố mẹ tại địa chỉ 13A4 tập thể 128c Đ L, phường Đ T, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đây là nhà của bố

mẹ đẻ anh Tr. Anh Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn.

Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện nay, cháu T đang cư trú, sinh hoạt cùng bố mẹ tại nhà đất của ông bà nội. Anh Tr hiện là công nhân điện có thu nhập bình quân từ 12-16.000.000 đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con chung. Chị Nh hiện nay mới có công việc làm thêm, thu nhập chưa ổn định. Nên xét thấy, việc giao con chung là cháu Lê Quốc T cho anh Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đảm bảo sự ổn định về sinh hoạt, cư trú cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu T, điều này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về yêu cầu cấp dưỡng: Do hiện nay công việc và thu nhập của chị Nh chưa ổn định nên anh Tr không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con chung trường hợp Tòa án xem xét cho ly hôn. Chị Nh vắng mặt không có ý kiến trình bày về con chung và cấp dưỡng. Do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Nh cho đến khi anh Tr có yêu cầu hay có sự thay đổi khác.

2.3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.4. Về công nợ: Anh Tr trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí và quyền kháng cáo:

Anh Tr phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Anh Tr, chị Nh có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70; Điều 72; khoản 4 Điều 147; điểm d khoản 3 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 110; Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Lê Chí Tr đối với chị Nguyễn Thị Nh. Anh Tr được ly hôn với chị Nh.

2. Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là: Lê Quốc T, sinh ngày 24/9/2016. Giao cho anh Tr được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị Nh kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về công nợ: Anh Tr xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Anh Tr phải chịu số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số AA/2019/00012520 ngày 26/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh Lê Chí Tr, vắng mặt chị Nguyễn Thị Nh. Anh Tr có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- UBND p. Đ T, q. H B T, Tp Hà nội;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 14/01/2016)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hoàng Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA